

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2020/DS-PT

Ngày 23-06-2020

V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị An Tiên

Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2020/TLPT- DS ngày 10 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp đòi tài sản.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2020/QĐPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 45 Đường Lý Thường Kiệt, khu phố 02, Phường 01, thị xã G, tỉnh T6.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981; cư trú tại: Số 1226, ấp Ninh An, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh T; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 6 năm 2019).

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V, địa chỉ trụ sở: Tổ 17, ấp T4, xã T5, huyện T1, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Võ Thị Hồng T3, sinh năm 1987; cư trú tại: Số 112 Đường N, khu phố 01, Phường 03, thành phố T, tỉnh T; chức vụ

Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V là người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Võ Thanh T2, sinh năm 1989; cư trú tại: Tổ 17, ấp T4, xã T5, huyện T1, tỉnh T.

2/ Anh Nguyễn Thảo Q, sinh năm 1991, cư trú tại: Số 45 Đường Lý Thường Kiệt, khu phố 02, phường 01, thị xã G, tỉnh T6.

3/ Chị Võ Thị Hồng T3, sinh năm 1987; cư trú tại: Số 112 Đường N, khu phố 01, Phường 03, thành phố T, tỉnh T.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04-7-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Kiều D trình bày:

Ngày 18-01-2017, bà cho vợ chồng con trai là anh Nguyễn Thảo Q và chị Võ Thị Hồng T3 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt giấy CNQSDĐ) số CH00607 do Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thị xã G, tỉnh T6 cấp ngày 16-9-2014 đối với phần đất diện tích 117,4 m² thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 05 tọa lạc số 14 Đường Phan Bội Châu, khu phố 01, Phường 02, thị xã G, tỉnh T6 để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng C- chi nhánh Khu công nghiệp Tr, tỉnh T, giữa các bên có viết giấy tay và đến ngày 08/5/2017 anh Q và chị T3 đã trả nợ ngân hàng xong, xóa thế chấp và trả lại giấy CNQSDĐ cho bà.

Do chị T3 là giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V (sau đây gọi tắt là Công ty Võ Thanh T2), chủ sở hữu công ty là anh Võ Thanh T2 là em ruột của chị T3 nên anh T2 có trực tiếp thỏa thuận miệng mượn giấy CNQSDĐ trên của bà để thế chấp vay vốn ngân hàng. Ngày 08-5-2017, bà ký hợp đồng thế chấp căn nhà và đất trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- chi nhánh T (viết tắt Ngân hàng Đ), để đảm bảo khoản vay 1.344.700.000 đồng của Công ty Võ Thanh T2. Nhưng đến hạn trả nợ mà Công ty Võ Thanh T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nên ngày 17/6/2019 bà đã đem tiền trả nợ gốc và lãi số tiền 1.600.000.000 đồng cho Ngân hàng Đ. Do đó, bà yêu cầu Công ty Võ Thanh T2, chị Võ Thị Hồng T3, anh Nguyễn Thảo Q trả cho bà số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Ngày 11-7-2019, bà Nguyễn Thị M có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Công ty Võ Thanh T2 và anh Võ Thanh T2 có nghĩa vụ trả số tiền 1.600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 17-6-2019 đến nay với mức lãi suất 0.83%/tháng, không yêu cầu chị T3 và anh Q có trách nhiệm trả số nợ trên. Lý do thay đổi yêu cầu do việc bà đồng ý ký hợp đồng thế chấp ngày 18-5-2017 với Ngân hàng Đ để đảm bảo khoản vay của Công ty Võ Thanh

T2 là do anh Võ Thanh T2, chủ sở hữu công ty trực tiếp thỏa thuận với bà, do lúc đó anh T2 là gia đình bên sui gia nên bà đồng ý cho mượn giấy CNQSDĐ để thế chấp, không có thỏa thuận về thù lao, không lập văn bản. Việc thế chấp vay tiền này không liên quan đến chị T3 và anh Q.

Nay bà yêu cầu Công ty Võ Thanh T2 và anh Võ Thanh T2 là chủ sở hữu Công ty có trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.600.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 17-6-2019 cho đến khi xét xử với lãi suất 0,83%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH MTV Võ Thanh T2, anh Võ Thanh T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Hồng T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng Công ty Võ Thanh T2, anh T2, chị T3 vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Tại bản tự khai ngày 08-11-2019 anh Nguyễn Thảo Q trình bày:

Anh là con ruột của bà Nguyễn Thị M, anh và chị Võ Thị Hồng T3 đã ly hôn theo bản án số 93/2018/HNGĐ-ST ngày 19-10-2018. Ngày 18-01-2017, anh và chị T3 viết giấy tay thỏa thuận mượn giấy CNQSDĐ của bà M để vay tiền Ngân hàng C –Chi nhánh Khu công nghiệp Tr cho Công ty Võ Thanh T2. Ngày 08-5-2017, anh và chị T3 đã thanh toán nợ cho Ngân hàng và trả giấy CNQSDĐ cho bà M.

Do việc vay vốn là cho Công ty Võ Thanh T2 làm ăn nên mẹ anh không đồng ý để cho anh và chị T3 mượn giấy CNQSDĐ nữa mà yêu cầu anh Võ Thanh T2 cần vốn làm ăn thì gặp và thỏa thuận với bà. Nên anh T2 đến gặp mẹ anh để xin mượn giấy CNQSDĐ thế chấp Ngân hàng Đ vay vốn cho Công ty Võ Thanh T2. Bà M đồng ý ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng Đ theo yêu cầu của anh T2, khi thỏa thuận có mặt anh và chị T3. Việc thỏa thuận không làm giấy tờ. Sau này Công ty Võ Thanh T2 không trả nợ cho Ngân hàng Đ nên bà M phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng để lấy lại đất và nhà. Do Công ty Võ Thanh T2 do anh Võ Thanh T2 là chủ sở hữu nên anh T2 và Công ty Võ Thanh T2 phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ các Điều 166, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 73 của Luật Doanh nghiệp; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng và 94.288.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 1.694.288.000 (một tỷ sáu trăm chín mươi bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn) đồng. Trong trường hợp Công ty TNHH MTV Võ Thanh T2 không còn tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà M, anh Võ Thanh T2 là chủ sở hữu

công ty phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Công ty TNHH MTV Võ Thanh T2 trong phạm vi số vốn điều lệ 1.800.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị M yêu cầu cá nhân anh Võ Thanh T2 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng và 94.288.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 1.694.288.000 (một tỷ sáu trăm chín mươi bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03 tháng 02 năm 2020, bà Nguyễn Thị M kháng cáo cho rằng ngày 08-5-2017 bà có ký hợp đồng thế chấp để bảo đảm khoản tiền vay của Công ty TNHH MTV Võ Thanh T2 số tiền 1.344.700.000 đồng tại Ngân hàng Đ. Việc bà ký bảo lãnh là do cá nhân anh T2 đứng ra mượn giấy CNQSDĐ của bà nên bà đồng ý cho mượn. Hiện nay Công ty Võ Thanh T2 không còn hoạt động kinh doanh và không còn tài sản để thi hành án. Nay bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc Công ty Võ Thanh T2 và anh Võ Thanh T2 cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền 1.600.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Quyết định của bản án sơ thẩm xác định Công ty Võ Thanh T2 và chủ sở hữu của Công ty là anh Võ Thanh T2 có trách nhiệm trả nợ cho bà M trong phạm vi vốn điều lệ là có căn cứ. Tuy nhiên, anh Võ Thanh T2 với tư cách là cá nhân mượn giấy CNQSDĐ của bà M để thế chấp bảo đảm khoản vay của Công ty nên phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho bà M. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Công ty Võ Thanh T2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- anh Võ Thanh T2, chị Võ Thị Hồng T3 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- anh Nguyễn Thảo Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Ngày 08-5-2017, Ngân hàng Đ –chi nhánh T và Công ty Võ Thanh T2 ký kết phụ lục sửa đổi hợp đồng hạn mức tín dụng, tài sản, biện pháp bảo đảm thế

chấp trong đó có quyền sử dụng đất diện tích 117,4m² thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 5, tọa lạc số 14 Đường Phan Bội Châu, khu phố 1, Phường 2, thị xã G, tỉnh T6 theo giấy CNQSDĐ số CH00607 ngày 16-9-2014 do bà Nguyễn Thị M đứng tên sử dụng (bút lục 73-74). Ngày 08-5-2017, bà M và Ngân hàng Đ –Chi nhánh T ký kết hợp đồng thế chấp số 0905/2017/HĐND/PVB-CNTN tại Phòng công chứng số 2, tỉnh T6 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Võ Thanh T2 (bút lục 68-72). Tuy nhiên Công ty Võ Thanh T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký khi đến hạn, do đó tại biên bản làm việc ngày 11-8-2018 đại diện ngân hàng yêu cầu bà M thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo cam kết. Ngày 16-5-2019, bà M có đơn xin trả nợ và giải quyết tài sản bảo đảm. Được sự đồng ý của ngân hàng, ngày 17-6-2019 bà Nguyễn Thị M đã nộp số tiền 1.600.000.000 đồng để trả nợ và cũng trong ngày 17-6-2019, Ngân hàng đã tiến hành các thủ tục thu nợ và xóa đăng ký thế chấp và trả lại giấy CNQSDĐ đã thế chấp cho bà M. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M buộc Công ty Võ Thanh T2 thanh toán số tiền nợ 1.600.000.000 đồng và lãi suất theo quy định là 94.288.000 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 166 và Điều 335 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà M yêu cầu cá nhân anh Võ Thanh T2 cũng có trách nhiệm liên đới với Công ty Võ Thanh T2 thanh toán cho bà số tiền nêu trên thì nhận thấy việc bà M cho rằng bà thế chấp quyền sử dụng diện tích đất trên là do anh Võ Thanh T2 mượn giấy CNQSDĐ, tuy nhiên bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà cho anh T2 mượn giấy CNQSDĐ như lời bà trình bày nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trên của bà M.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định trong trường hợp Công ty TNHH MTV Võ Thanh T2 không còn tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà M, anh Võ Thanh T2 là chủ sở hữu của Công ty phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Công ty TNHH MTV Võ Thanh T2 trong phạm vi số vốn điều lệ 1.800.000.000 đồng là không cần thiết và có mâu thuẫn về nghĩa vụ chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ nên cần được điều chỉnh tại cấp phúc thẩm.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, bà M không yêu cầu anh Q, chị T3 cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho bà là tự nguyện và phù hợp với Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm, có điều chỉnh bổ sung như nhận định trên.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà M phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T.

Căn cứ các Điều 166, 335, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 73 của Luật Doanh nghiệp; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng và 94.288.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 1.694.288.000 (một tỷ sáu trăm chín mươi bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V còn phải trả cho bà M số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị M yêu cầu cá nhân anh Võ Thanh T2 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng và 94.288.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 1.694.288.000 (một tỷ sáu trăm chín mươi bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

2. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V phải chịu 62.829.000 (sáu mươi hai triệu tám trăm hai mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006486 ngày 09/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0007071 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T; ghi nhận đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Phượng